

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2019/DS – ST**

Ngày: 26/8/2019.

V/v tranh chấp: “*Tranh chấp hợp
đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Lâm.

Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST – DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST – DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Số 1 – 2 phố H, phường N, quận K, thành phố Hà Nội.

Theo quyết định số: 76/2017/QĐUQ-HĐQT ngày 10/11/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Dân: Ông Trần Đình C – Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng A làm đại diện.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:

Ông Huỳnh Anh K – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ xấu Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: 10 NVL, phường O, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh T, sinh năm: 1986.

Chị Hồ Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1988.

Cùng địa chỉ: ấp G, xã P, huyện V, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/11/2018, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A do ông Huỳnh Anh K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A và anh Võ Thanh T, chị Hồ Thị Ngọc Đ có kết ký Hợp đồng tín dụng số: 140/2017/HĐCV9372 ngày 28/4/2017, theo hợp đồng tín dụng Ngân hàng Thương mại cổ phần A cho chị Diệp, anh T vay 387.000.000 đồng. Mục đích vay: Hoàn tiền xây, sửa chữa nhà. Lãi suất vay: Lãi suất kỳ đầu tiên 11,5%/năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 28/7/2017; Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của bên vay cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 28 của tháng định kỳ thay đổi lãi suất và lãi suất vay bằng (=) Lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ tối thiểu 3%/năm. Thời hạn vay 120 tháng. Hình thức thanh toán: Trả lãi và gốc hằng tháng kể từ ngày 25; trả lãi bắt đầu từ ngày 25/5/2017 đến ngày 25/4/2020, trả tiền gốc từ ngày 25/05/2020 đến ngày 25/03/2027 trả 4.610.000 đồng/tháng, kỳ cuối ngày 28/4/2027 trả 4.370.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên; anh Trục, chị Đ đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất số: CC006981 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp ngày 30/10/2015 thửa số 315 tờ bản đồ số 19, diện tích 1.929m² tọa lạc tại xã P, huyện V, tỉnh Bến Tre do anh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 140/2017/HĐCV9372 ngày 28/4/2017 đã được công chứng, chứng thực tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bến Tre và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Đại ngày 28/4/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh T, chị Đ đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi trả đúng hạn cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 25/11/2017, có tháng chậm trả lãi 182 ngày.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền: 407.668.212 đồng. Trong đó nợ gốc 387.000.000 đồng; tiền lãi 20.476.814 đồng; nợ quá hạn: 2.980.872 đồng; lãi quá hạn 20.668.212 đồng; phạt chậm trả lãi 191.398 đồng.

Trường hợp anh T, chị Đ không trả số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 140/2017/HĐCV9372 ngày 28/4/2017 là Quyền sử dụng đất số: CC006981 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp ngày 30/10/2015 thửa số 315 tờ bản đồ số 19, diện tích 1.929m² tọa lạc tại xã P, huyện V, tỉnh Bến Tre cấp cho anh T để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm anh T, chị Đ đã trả lãi được số tiền 106.595.925 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu anh T, chị Đ trả số tiền: 391.371.300 đồng. Trong đó nợ gốc 387.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn 4.270.075 đồng; phạt chậm trả lãi 104.225 đồng.

Anh T, chị Đ thừa nhận trả tiền lãi chậm theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên do cán bộ tín dụng báo trễ nên anh Trục, chị Đ đóng lãi trễ hạn. Nay anh T, chị Đ đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần A cho anh T, chị Đ được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết và cam kết thực hiện đúng hợp đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 318, 320, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Buộc anh Trục, chị Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 391.267.075 đồng.

Trường hợp anh Trục, chị Đ không trả số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 140/2017/HĐCV9372 ngày 28/4/2017 là Quyền sử dụng đất số: CC006981 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp ngày 30/10/2015 thửa số 315 tờ bản đồ số 19, diện tích 1.929m² tọa lạc tại xã P, huyện V, tỉnh Bến Tre cấp cho anh T để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc yêu cầu anh T, chị Đ trả tiền phạt chậm trả lãi: 104.225 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Võ Thanh T, chị Hồ Thị Ngọc Đ trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy

định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Võ Thanh T, chị Hồ Thị Ngọc Đ có đăng ký thường trú tại ấp G, xã P, huyện V, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu anh T, chị Đ trả số tiền: 391.371.300 đồng. Trong đó nợ gốc 387.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn 4.270.075 đồng; phạt chậm trả lãi 104.225 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng tín dụng số: 140/2017/HĐCV9372 ngày 28/4/2017 và bảng chi tiết tính công nợ khách hàng ngày 26/8/2019.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: 140/2017/HĐCV9372 ngày 28/4/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A với anh Trục, chị Đ đã ký kết thì thời hạn bắt đầu trả tiền lãi là ngày 25/5/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trục, chị Đ thừa nhận đóng lãi trễ hạn từ ngày 25/5/2017 cho đến ngày Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số: 140/2017/HĐCV9372 ngày 28/4/2017 và bảng chi tiết tính công nợ khách hàng ngày 26/8/2019 thì anh Trục, chị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Dân. Do đó Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện đề nghị chấm dứt hợp đồng tín dụng yêu cầu anh T, chị Đ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu anh Trục, chị Đ phải trả số tiền chậm trả lãi 104.225 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào khoản 1 Điều 12 Nghị định số 11/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn. Do đó Khi anh Trục, chị Đ không trả nợ đúng hạn thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã tính lãi suất quá hạn trong hợp đồng, do đó yêu cầu anh Trục, chị Đ phải trả số tiền chậm trả lãi 104.225 đồng là không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời trình bày của anh T, chị Đ.

Anh T, chị Đ thừa nhận trả tiền lãi chậm theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và cho rằng do cán bộ tín dụng báo trễ nên anh Trục, chị Đ đóng lãi trễ hạn. Anh T, chị Đ đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần A cho anh T, chị Đ được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết và cam kết thực hiện đúng hợp đồng. Tại phiên Tòa yêu cầu của anh T, chị Đ không được Ngân hàng Thương mại cổ phần A chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy: anh T, chị Đ đóng lãi trễ hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết; anh T, chị Đ nại

ra rằng do do cán bộ tín dụng báo trễ nên anh T, chị Đ đóng lãi trễ hạn là không có căn cứ vì theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì hàng tháng vào ngày 25 anh T, chị Đ phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Anh T, chị Đ đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần A cho anh Trục, chị Đ được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền phạt chậm trả lãi 3.598.333 đồng anh T, chị Đ đã đóng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A, anh T, chị Đ không yêu cầu tính lại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với anh T, chị Đ. Buộc anh T, chị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 391.267.075 đồng, trong đó nợ gốc 387.000.000 đồng, lãi quá hạn 4.270.075 đồng

Trường hợp anh T, chị Đ không trả số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 140/2017/HĐCV9372 ngày 28/4/2017 là Quyền sử dụng đất số: CC006981 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp ngày 30/10/2015 thửa số 315 tờ bản đồ số 19, diện tích 1.929m² tọa lạc tại xã P, huyện V, tỉnh Bến Tre cấp cho anh T để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

[5] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc yêu cầu anh T, chị Đ trả tiền phạt chậm trả lãi: 104.225 đồng.

[6] Về án phí:

Buộc anh Trục, chị Đ phải chịu: 19.563.353 đồng (391.267.075 đồng x 5% = 19.563.353 đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các điều 318, 320, 322, 323, 357, 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Các điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Các điều 4, 56 và khoản 1 điều 58 của Nghị định số: 163/2006/NĐ – CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm.

- Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 11/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với anh Võ Thanh T, chị Hồ Thị Ngọc Đ.

Buộc anh Võ Thanh T, chị Hồ Thị Ngọc Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 391.267.075 đồng (*Ba trăm chín mươi một triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong đó nợ gốc 387.000.000 đồng, lãi quá hạn 4.270.075 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 140/2017/HĐCV9372 ngày 28/4/2017 nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp chị Hồ Thị Ngọc Đ, anh Võ Thanh T không trả số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 140/2017/HĐCV9372 ngày 28/4/2017 là Quyền sử dụng đất số: CC006981 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp ngày 30/10/2015 thửa số 315 tờ bản đồ số 19, diện tích 1.929m² tọa lạc tại xã P, huyện V, tỉnh Bến Tre cấp cho anh Võ Thanh T để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

[2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc yêu cầu anh Võ Thanh T, chị Hồ Thị Ngọc Đ trả tiền phạt chậm trả lãi: 104.225 đồng (*Một trăm lẻ bốn nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng*).

[3]. Về án phí:

Buộc anh Võ Thanh T, chị Hồ Thị Ngọc Đ phải chịu: 19.563.353 đồng (*Mười chín triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm năm mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 10.115.000 đồng (*Mười triệu một trăm mười lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0021199 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Ngân hàng Thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền chênh lệch là 9.815.000 đồng (*Chín triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng*).

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải